

Bản án số: 59/2026/HS-ST
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Phan Thị Bích Thủy
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc Doanh
Ông Nguyễn Quyết Thắng
- *Thư ký phiên toà:* bà Phạm Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hưng Yên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Hưng Yên tham gia phiên toà:* Bà Trịnh Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hưng Yên tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên Lê Trí D, sinh năm 1993, tại Hưng Yên; Giới tính: nam; HKTT: Thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn K (đã chết) và bà Đỗ Thị T; Có vợ và có 02 người con; Tiền án, tiền sự: chưa có; Nhân thân: Ngày 18/5/2020 bị Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên (cũ) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” (ngày 20/5/2020 D đã nộp phạt xong). Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã N, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Hà Văn L, sinh năm 2004; Địa chỉ: Bản K, xã P, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Nguyễn Văn G, sinh năm 1998; Địa chỉ: xóm T, xã G, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường M, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Nguyễn Văn D1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường M, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường M, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Nguyễn Đình T1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Chị Tô Thị D2, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Chu Văn T2, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận thấy việc cho vay lấy lãi dễ dàng đem lại lợi nhuận nên Lê Trí D đã nảy sinh ý định lợi dụng hoạt động cầm cố tài sản để cho vay tiền với lãi suất cao, mục đích thu lời bất chính.

Hình thức cho vay: Người vay gặp trực tiếp D tại quán “Cầm đồ 8888” của D ở thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên để trao đổi việc cầm cố tài sản để vay tiền, trả tiền vay gốc, tiền lãi. D kiểm tra tài sản cầm cố rồi đưa trực tiếp tiền mặt cho những người vay. Khi có người đến đặt vấn đề vay tiền, D thỏa thuận với người vay theo hình thức cho vay lãi ngày, không cắt lãi, tiền lãi được tính theo ngày cho đến khi người vay trả hết tiền vay gốc và thỏa thuận nếu vay ngắn thì tính 1 kỳ tương đương 10 ngày; nếu vay dài sẽ tính lãi theo tháng, một tháng tương đương 30 ngày, nếu khách tắt toán trước hạn thì sẽ tính lãi đến ngày tắt toán.

Trong thời gian từ ngày 01/9/2025 đến ngày 16/12/2025, D cho 04 người vay tổng số tiền là 464.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (tương đương 182,5%/năm), theo thỏa thuận D được hưởng số tiền lãi là 78.740.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo định mức Nhà nước cho phép là 8.629.041 đồng, số tiền thu lời bất chính là 70.110.959 đồng. Thực tế D đã nhận được số tiền lãi là 77.500.000đồng. Cụ thể như sau:

Từ ngày 01/9/2025 đến ngày 16/12/2025, D cho anh Nguyễn Văn D1 vay tổng số tiền 40.000.000đ với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (tương đương 182,5%/năm), trả lãi 10 ngày 1 lần. Tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i màu đen, biển số 89F1 – 416.17. Theo thỏa thuận D được hưởng số tiền lãi là 22.000.000đ. Trong đó, tiền lãi theo định mức Nhà nước cho phép là 2.410.959đ, số tiền thu lời bất chính là 19.589.041đ. Thực tế D đã nhận được số tiền lãi là 20.000.000đ chưa trả tiền gốc và lãi còn lại.

Từ ngày 28/10/2025 đến ngày 07/11/2025, D cho anh Nguyễn Tuấn A, vay số tiền 300.000.000đ với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (tương đương 182,5%/năm), trả lãi 10 ngày 1 lần. Tài sản cầm cố là 01 xe ô tô nhãn hiệu Huynhdai Santafe màu trắng, biển số 89A – 381.40. Theo thỏa thuận D được hưởng số tiền lãi là 15.000.000đ. Trong đó tiền lãi theo định mức Nhà nước cho phép là 1.643.836đ, số tiền thu lời bất chính là 13.356.164đ. Thực tế D đã nhận được số tiền lãi là 15.000.000đ. Anh Tuấn A1 đã trả tiền gốc cho D và đã nhận lại tài sản cầm cố.

Cũng với tài sản cầm cố là 01 ô tô nhãn hiệu Huynhdai Santafe màu trắng, biển số 89A – 381.40 như trên từ ngày 08/11/2025 đến ngày 28/11/2025, D tiếp tục cho anh Tuấn A1 vay số tiền 400.000.000đ với lãi suất

5.000đ/1.000.000đ/ngày (tương đương 182,5%/năm), trả lãi 10 ngày 1 lần. Theo thỏa thuận D được hưởng số tiền lãi là 40.000.000đ. Trong đó tiền lãi theo định mức Nhà nước cho phép là 4.383.562đ, số tiền thu lời bất chính là 35.616.438đ. Thực tế D đã nhận được số tiền lãi là 40.000.000đ. Anh Tuấn A1 chưa trả tiền gốc cho D.

Từ ngày 29/11/2025 đến ngày 16/12/2025, D cho anh Hà Văn L vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (tương đương 182,5%/năm), trả lãi 10 ngày 1 lần. Tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xám đen, biển số 26AA – 346.46. Theo thỏa thuận D được hưởng số tiền lãi là 900.000đ. Trong đó tiền lãi theo định mức Nhà nước cho phép là 98.630đ, số tiền thu lời bất chính là 801.370đ. Thực tế D đã nhận được số tiền lãi là 500.000đ. Anh L1 đã trả tiền lãi cho D đến ngày 28/11/2025, chưa trả 10.000.000đ tiền gốc.

Từ ngày 05/12/2025 đến ngày 16/12/2025, D cho anh Nguyễn Văn G vay số tiền 14.000.000đ với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (tương đương 182,5%/năm), trả lãi 1 tháng 1 lần. Tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen, biển số 37N1 – 355.83. Theo thỏa thuận D được hưởng số tiền lãi là 840.000đ. Trong đó tiền lãi theo định mức Nhà nước cho phép là 92.055đ, số tiền thu lời bất chính là 747.945đ. Anh G chưa trả tiền gốc, lãi cho D.

Đến khoảng 16 giờ 00 phút ngày 16/12/2015, Nguyễn Văn D1 đến quán “Cầm đồ 8888” của Lê Trí D ở thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên để trả D 42.000.000đ (tiền gốc là 40.000.000đ và tiền lãi 10 ngày cuối là 2.000.000đ) thì bị Phòng C - Công an tỉnh H phối hợp với Công an xã N đến kiểm tra, phát hiện lập biên bản vụ việc. Vật chứng thu giữ: 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai SantaFe màu trắng có biển số 89A-381.40, số khung: RLUSW81HHNN041249, số máy: D4HENH790529; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i màu đen có biển số 89F1-416.17, số khung: 730XJY001876, số máy: JF73E0131387; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xám có biển số 26AA-346.46, số khung: RLHJK035XRY239740, số máy: JK03E3578762; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen có biển số 37N1-355.83, số khung: 1010KY192840, số máy: G3D4E961873; 02 quyển sổ bìa màu xanh bên trong có các mẫu hợp đồng cầm đồ có ghi các chữ và số thông tin của khách vay, đặc điểm tài sản, thời gian, số tiền vay (ký hiệu A1, A1); 01 quyển vở bìa màu xanh có kẻ caro, trên bìa có chữ “KLONG”, bên trong có 04 trang ghi các chữ và số được đánh thứ tự từ 1 đến 4 (ký hiệu A3) và số tiền 42.000.000đ.

Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H tiến hành khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở và nơi làm việc của D nhưng không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu, tài sản gì có liên quan.

Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy mẫu chữ ký, chữ viết của Lê Trí D (ký hiệu M1). Ngày 18/12/2025, Cơ quan CSĐT đã quyết định trưng cầu Phòng C Công an tỉnh H giám định chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định A1, A2, A3 so với chữ ký, chữ viết của Lê Trí D. Tại Kết luận giám định số 2035/KL-KTHS ngày 24/12/2025 của Phòng C - Công an tỉnh H, kết luận: Chữ viết, chữ số trên

các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 (trừ chữ viết: “Tôi cam đoan đây là tài sản của tôi, nếu có gì sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký, chữ viết dưới mục: “Người nhận tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết của Lê Trí D trên tài liệu mẫu so sánh M1 có những đặc điểm chung và riêng giống nhau cơ bản, đủ cơ sở khẳng định do cùng một người ký, viết ra.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe màu trắng, biển số 89A-381.40 đã thu giữ là của anh Nguyễn Tuấn A; xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i có biển số 89F1-416.17 là của anh Nguyễn Văn D1; xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision có biển số 26AA-346.46 là của anh Hà Văn L; xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen có biển số 37N1-355.83 là của anh Nguyễn Văn G. Ngày 23/01/2026, Cơ quan CSĐT đã trả lại anh Tuấn A, anh D1 và anh L tài sản nói trên. Anh Tuấn A1, anh D1 và anh L nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với số tiền lãi anh Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn D1, Hà Văn L và anh Nguyễn Văn G đã trả cho D, những người này đều xác định giao dịch cầm cố, vay tiền với D là tự nguyện nên đều không có yêu cầu đề nghị gì đối với số tiền lãi nói trên.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen có biển số 37N1-355.83 là của anh Nguyễn Văn G, Cơ quan Cảnh sát điều tra nhập kho vật chứng Công an tỉnh H để chờ xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra anh Nguyễn Tuấn A đã tự nguyện giao nộp tại cơ quan CSĐT số tiền 400.000.000đ; anh Hà Văn L tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000đ là tiền anh Tuấn A và L vay của D.

Số tiền 42.000.000đ Cơ quan điều tra đã thu giữ là tiền D1 trả cho D ngày 16/12/2025 gồm 40.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi 10 ngày cuối kỳ.

Tổng số tiền 452.000.000đ là tiền vật chứng của vụ án cơ quan CSĐT Công an tỉnh H đã gửi tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh H tại Kho bạc Nhà nước Việt Nam tỉnh H.

Đối với những vật chứng là: 01 niêm phong ký hiệu “GH DUNG”, bên trong có: 01 USB lưu trữ nội dung ghi hình có âm thanh lời khai nhận tội của Lê Trí D; 02 quyển sổ bì màu xanh bên trong có các mẫu hợp đồng cầm đồ có ghi các chữ và số thông tin của khách vay, đặc điểm tài sản, thời gian, số tiền vay... (*có chữ ký xác nhận của Lê Trí D*); 01 quyển vở bì màu xanh có kẻ caro, trên bì có chữ “KLONG”, bên trong có 04 trang ghi các chữ và số được đánh thứ tự từ 1 đến 4 (*có chữ ký xác nhận của Lê Trí D*) được lưu tại hồ sơ vụ án.

Bị cáo Lê Trí D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu ở trên, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số: 46/CT-VKS-KV4 ngày 05/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Hưng Yên đã truy tố bị cáo Lê Trí D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

+ Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Trí D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; Xử phạt bị cáo Lê Trí D từ 35.000.000đ đến 40.000.000đ; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

+ Về các biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 468 Bộ luật Dân sự, Nghị Quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn G 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen có biển số 37N1-355.83, số khung: 1010KY192840, số máy: G3D4E961873; Lưu hồ sơ vụ án 02 quyển sổ bìa màu xanh bên trong có các mẫu hợp đồng cầm đồ có ghi các chữ và số thông tin của khách vay, đặc điểm tài sản, thời gian, số tiền vay...; Lưu hồ sơ vụ án 01 quyển vở bìa màu xanh có kẻ caro, trên bìa có chữ “KLONG”, bên trong có 04 trang ghi các chữ và số được đánh thứ tự từ 1 đến 4.

Đề nghị sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền 452.000.000 đồng là tiền vật chứng được Công an tỉnh H gửi vào tài khoản tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước Việt Nam tỉnh H.

Truy thu của anh Nguyễn Văn G số tiền 14.000.000 sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đề nghị truy thu của bị cáo D số tiền 75.500.000 đồng (trong đó có số tiền thu lời bất chính bị cáo đã được nhận từ người vay và tiền lãi theo mức Nhà nước cho phép **nhưng những người vay đã trả cho D không yêu cầu**) để sung vào Ngân sách nhà nước.

Về án phí: bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bản cáo trạng, quyết định đưa vụ án ra xét xử được tổng đạt cho bị cáo đúng pháp luật; việc lấy lời khai những người tham gia tố tụng, hỏi cung bị can đều đảm bảo. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì nên các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và toàn bộ các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu giữ được có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận:

Do có mục đích kiếm lời nên trong thời gian từ ngày 01/9/2025 đến ngày 16/12/2025, tại thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên, Lê Trí D đã thực hiện hành vi cho các anh Nguyễn Văn D1, Nguyễn Tuấn A, Hà Văn L và Nguyễn Văn G vay tổng số tiền 464.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương với mức lãi suất 182%/năm) cao hơn gấp 05 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự để thu lời bất chính tổng số tiền 70.110.959 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hưng Yên truy tố bị cáo với tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: bị cáo có nhân thân xấu do ngày 28/5/2020 đã bị Công an huyện V xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”. Bị cáo đã nộp phạt xong cùng ngày.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo một số tiền để nộp vào Ngân sách nhà nước cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: do bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra các anh: Tuấn A, D1, L và G xác định giao dịch cầm cố, vay tiền của D là tự nguyện giữa các bên và không yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã trả cho D nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 BLTTHS, Điều 468 Bộ luật Dân sự, Nghị Quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao:

Đối với số tiền Cơ quan Điều tra đã thu giữ 452.000.000đ gửi vào tài khoản tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước Việt Nam tỉnh H. Trong đó tiền gốc 450.000.000đ là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; số tiền lãi 2.000.000đ là tiền thu lời bất chính. Tịch thu toàn bộ số tiền này sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của anh Nguyễn Văn G số tiền 14.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

Số tiền lãi bị cáo D đã nhận từ người vay 75.500.000đ, trong đó có khoản tiền bị cáo thu lời bất chính và tiền lãi theo định mức Nhà nước cho phép. **Anh D1, anh Tuấn A và anh L không yêu cầu đối với số tiền lãi vượt quá định mức cho phép đã trả cho bị cáo. Vì vậy cần truy thu của bị cáo số tiền 75.500.000đ để sung vào Ngân sách Nhà nước.**

Trả lại cho anh Nguyễn Văn G 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen có biển số 37N1-355.83, số khung: 1010KY192840, số máy: G3D4E961873; Lưu hồ sơ vụ án 02 quyển sổ bìa màu xanh bên trong có các mẫu hợp đồng cầm đồ có ghi các chữ và số thông tin của khách vay, đặc điểm tài sản, thời gian, số tiền vay...; Lưu hồ sơ vụ án 01 quyển vở bìa màu xanh có kẻ caro, trên bìa có chữ “KLONG”, bên trong có 04 trang ghi các chữ và số được đánh thứ tự từ 1 đến 4.

Về án phí: Bị cáo Lê Trí D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Trí D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Lê Trí D số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

2. Biện pháp tư pháp: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 468 Bộ luật Dân sự, Nghị Quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn G 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen có biển số 37N1-355.83, số khung: 1010KY192840, số máy: G3D4E961873; Lưu hồ sơ vụ án 02 quyển sổ bìa màu xanh bên trong có các mẫu hợp đồng cầm đồ có ghi các chữ và số thông tin của khách vay, đặc điểm tài sản, thời gian, số tiền vay...; Lưu hồ sơ vụ án 01 quyển vở bìa màu xanh có kẻ caro,

trên bìa có chữ “KLONG”, bên trong có 04 trang ghi các chữ và số được đánh thứ tự từ 1 đến 4.

Sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 452.000.000 đồng là vật chứng được Công an tỉnh H gửi vào tài khoản tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước Việt Nam tỉnh H.

Truy thu của anh Nguyễn Văn G số tiền 14.000.000 sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Lê Trí D số tiền 75.500.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[3] Về án phí: buộc bị cáo Lê Trí D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

[4]. Về quyền kháng cáo: vụ án được xét xử công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND Khu vực 4 – Hưng Yên;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- CQ THADS tỉnh Hưng Yên
- Bị cáo;
- Người có QLVN liên quan
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Bích Thủy

